

Số: 137 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 6 năm 2017

## BÁO CÁO

### Về việc kết quả triển khai Nghị định

118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TÀI HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 5697
	Ngày: 27.6.17
	Chuyên: Th

đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3763/BNNT ngày 08/5/2017 về việc báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

#### A. Hiện trạng công ty

##### I. Số lượng các công ty nông, lâm nghiệp

Thực hiện Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có 03 Công ty phải thực hiện sắp xếp, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô: Duy trì củng cố, phát triển và tái cơ cấu, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi: Chuyển công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước nắm 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, Nhà nước không giữ cổ phần chi phối.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân: UBND tỉnh đã đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh nội dung điểm 3, Công văn số 1790/TTg-ĐNMN ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ từ hình thức giải thể Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân sang hình thức thực hiện thủ tục phá sản Công ty TNHH MTV Lâm Trà Tân theo quy định.

##### II. Hiện trạng đất đai: Tổng số: 6.391,7 ha (Chi tiết có Phụ biểu 2A, 2B)

##### 1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô

a) Tổng diện tích tự nhiên: 5.621,52 ha

a1) Đất Lâm nghiệp: 5.617,28 ha.

- Đất rừng sản xuất: 5.617,28 ha.

+ Rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 4.009,37 ha.

+ Rừng sản xuất là rừng trồng: 223,64 ha.

+ Đất chưa có rừng: 1.384,27 ha.

a2) Đất nông nghiệp khác: 2,86 ha (Vườn ươm)

- a3) Đất Phi nông nghiệp: 1,38 ha (Trụ sở làm việc)
- b) Quản lý, sử dụng đất: 1.607,91 ha (*Chi tiết có Phụ biểu 03*)
- Tự tổ chức sản xuất: 241,93 ha
  - Diện tích giao khoán: 85,61 ha (Khoán theo NĐ 135/2005/NĐ-CP)
  - Liên doanh, liên kết: 138,03 ha
  - Diện tích bị lấn chiếm: 1.142,34 ha
- c) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Chi tiết có Phụ biểu 04*)
- Diện tích được giao không thu tiền: 4.009,37 ha
  - Diện tích đất đã thuê:
    - + Đất nông nghiệp: 1.610,77 ha
    - + Đất phi nông nghiệp: 1,38 ha
  - Thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau 2005.
    - + Đất nông nghiệp: 1.610,77 ha
    - + Đất phi nông nghiệp: 1,38 ha
- d) Diện tích đất dự kiến tiếp tục quản lý sử dụng (*Chi tiết có Phụ biểu 5A, 5B*)
- d1) Tổng diện tích: 4.474,94 ha.
- Đất lâm nghiệp (Đất rừng sản xuất): 4.474,94 ha.
    - + Rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 4.009,37 ha.
    - + Rừng sản xuất là rừng trồng: 115,40 ha.
    - + Đất chưa có rừng: 350,17 ha.
  - Đất nông nghiệp khác: 2,86 ha (Vườn ươm)
  - Đất Phi nông nghiệp: 1,38 ha (Trụ sở làm việc)
- d2) Quản lý, sử dụng đất:
- Tự tổ chức sản xuất: 158,71 ha
  - Diện tích giao khoán: 36,24 ha
  - Liên doanh, liên kết: 24,7 ha
  - Diện tích bị lấn chiếm: 145,92 ha (Chiếm sau khai thác)
- đ) Diện tích đất dự kiến tiếp tục giao về địa phương: 1.142,34 ha (*Chi tiết có Phụ biểu 6A, 6B*)

## **2. Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi**

- a) Tổng diện tích tự nhiên: 770,18 ha
- a1) Đất sản xuất nông nghiệp: 378,99ha
- Đất trồng cây hằng năm: 339,42 ha
  - Đất trồng cây lâu năm: 39,39 ha
  - Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản: 0,18 ha
- a2) Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất): 359,76 ha

- a3) Đất nông nghiệp khác: 0,18 ha
- a4) Đất chuyên dùng: 8,37 ha
- a5) Đất chưa sử dụng: 22,88
- b) Quản lý, sử dụng đất (ha):
  - Tự tổ chức sản xuất: 198,63 ha
  - Diện tích đất giao khoán theo Nghị định: 01/CP: 446,36 ha
  - Diện tích đang có tranh chấp:
  - Diện tích bị lấn chiếm: 125,19 ha
  - Diện tích đất cấp trùng: 0
- c) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:
  - Diện tích đất được giao không thu tiền:
  - Diện tích đất đã thuê: 709,44 ha, trong đó:
    - + Đất nông nghiệp: 704,5 ha
    - + Đất phi nông nghiệp: 4,94 ha
  - Thời gian cấp GCNQSD đất: Chưa cấp GCNQSD đất.
- d) Diện tích đất đã giao về địa phương từ năm 2003 đến thời điểm thực hiện sắp xếp: 107,46 ha
  - đ) Diện tích đất dự kiến tiếp tục quản lý sử dụng : 706,22 ha
    - đ1) Đất sản xuất nông nghiệp: 367,41 ha
      - Đất trồng cây hằng năm: 324,93 ha
      - Đất trồng cây lâu năm: 42,30 ha
      - Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản: 0,18 ha
    - đ2) Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất): 333,87 ha
    - đ3) Đất nông nghiệp khác: 0
    - đ4) Đất chuyên dùng (phi nông nghiệp): 4,94 ha
- e) Diện tích đất dự kiến tiếp tục giao về địa phương: 3,21 ha
  - Đất lâm nghiệp: Đất rừng sản xuất : 3,21 ha
  - Đất tự tổ chức sản xuất: 3,21 ha

### **III. Tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trước và sau sắp xếp** (Chi tiết có Phụ biểu 7A, 7B)

#### **1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô**

##### a) Về tài chính

##### a1) Trước sắp xếp: Tổng tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn: 1.477.342.000 đồng

+ Tài sản dài hạn: 3.832.538.000 đồng

- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu: 4.390.494.000 đồng; Vốn vay: 0

##### a2) Sau khi sắp xếp:

- + Tài sản ngắn hạn: 1.076.347.000 đồng
- + Tài sản dài hạn: 3.812.776.000 đồng
- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu: 4.177.411.000 đồng; vốn vay: 0

b) Kết quả sản xuất kinh doanh

b1) Trước khi sắp xếp (tại thời điểm xây dựng phương án tổng thể)

- Doanh thu: 2.842.218.000 đồng
- Nợ phải trả:
- + Nợ dài hạn: 17.067.000 đồng
- + Nợ Ngắn hạn: 902.320.000 đồng
- Nợ phải thu: 1.327.469.000 đồng
- Nợ khó đòi: 320.301.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2.847.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2.334.000 đồng
- Nộp ngân sách: 79.681.000 đồng
- Lương bình quân: 42.435.000 đồng
- Thu nhập bình quân: 3.500.000 đồng/người/tháng

b2) Sau sắp xếp, đổi mới

- Doanh thu: 1.154.871.000 đồng
- Nợ phải trả:
- + Nợ dài hạn: 17.076.000 đồng
- + Nợ Ngắn hạn: 694.644.000 đồng
- Nợ phải thu: 782.277.000 đồng
- Nợ khó đòi: 320.310.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 31.157.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 24.926.000 đồng
- Nộp ngân sách: 15.200.000 đồng
- Lương bình quân: 33.829.000 đồng
- Thu nhập bình quân: 3.800.000 đồng/người/tháng

**2. Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi**

a) Về tài chính:

a1) Trước sắp xếp: (30/6/2016)

- Tổng tài sản: 6.061.467.320 đồng
- + Tài sản ngắn hạn: 5.949.990.210 đồng
- + Tài sản dài hạn: 111.477.110 đồng
- Nguồn vốn : 6.061.467.320 đồng
- + Vốn chủ sở hữu: 2.842.106.483 đồng
- + Vốn vay:

\* Vay dài hạn:

\* Vốn vay ngắn hạn: 3.212.967.745 đồng

a2) Sau sắp xếp (giá trị doanh nghiệp được xác định lại khi thực hiện sắp xếp, đổi mới) (01/7/2016)

- Tổng tài sản: 13.307.741.098 đồng

+ Tài sản ngắn hạn: 8.388.515.326 đồng

+ Tài sản dài hạn: 4.919.225.772 đồng

- Nguồn vốn: 13.307.741.098 đồng

+ Vốn chủ sở hữu: 9.997.014.278 đồng

+ Vốn vay:

\* Vay dài hạn

+ Vay ngắn hạn: 3.304.333.728 đồng

b) Kết quả sản xuất, kinh doanh:

b1) Trước sắp xếp (tại thời điểm xây dựng phương án tổng thể: (30/6/2016)

- Doanh thu: 8.602.682.444 đồng

- Nợ phải trả: 3.212.967.745 đồng

+ Nợ dài hạn: 0

+ Nợ ngắn hạn: 3.212.967.745 đồng

- Nợ phải thu: 905.506.979 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 32.779.033 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: (24.906.478) đồng

- Nộp ngân sách: 57.685.511 đồng

- Lương bình quân/ tháng: 4.500.000 đồng

- Thu nhập bình quân/ha/năm:

b2) Sau sắp xếp, đổi mới: Chưa chuyển đổi xong.

#### **IV. Về lao động (Chi tiết Phụ biểu số 8)**

##### **1. Đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô**

a) Tổng số lao động (theo phương án tổng thể): 14 người

- Lao động gián tiếp: 08 người

- Lao động trực tiếp: 03 người

+ Lao động trong danh sách đóng BHXH: 0 người

+ Lao động khoán công việc: 03 người

- Lao động là đồng bào dân tộc tại chỗ: 03 người

+ Lao động trong danh sách đóng BHXH: 02 người

+ Lao động (khoán công việc): 01 người

b) Dự kiến sắp xếp lao động

- Lao động tiếp tục sử dụng: 10 người
- Lao động nghỉ dôi dư: 02 người
- Thanh lý hợp đồng khoán: 02 người
- Tuyển dụng mới: 10 người
- Ký mới hợp đồng nhận khoán: 02 người

c) Dự kiến mức kinh phí thực hiện: 140.334.500 đồng

## **2. Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi**

a) Tổng số lao động: 23 người (Thời điểm 30/6/2016)

- Lao động gián tiếp: 11 người
- Lao động trực tiếp: 12 người
- + Lao động trong danh sách đóng BHXH: 23 người
- + Lao động (hộ ) nhận khoán: 130
- Lao động là đồng bào dân tộc tại chỗ:
- + Lao động trong danh sách đóng BHXH:
- + Lao động (hộ ) nhận khoán:

b) Dự kiến sắp xếp lao động:

- Lao động tiếp tục sử dụng lại: 11 người
- Lao động nghỉ dôi dư: 10 người
- Lao động nghỉ theo chế độ: 02 người
- Tuyển dụng mới: 01 người

c) Dự kiến mức kinh phí thực hiện: 1.141.888.000 đồng

## **B. Kết quả triển khai phương án tổng thể**

### **I. Xây dựng và phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới**

Trên cơ sở Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất tại Công văn số 1790/TTg-ĐMDN ngày 09/10/2015, các công ty tiến hành rà soát, điều chỉnh đề án sắp xếp, đổi mới theo nội dung Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi, gửi các sở, ngành thẩm định và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định sau:

- Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô.

- Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi.

### **II. Kết quả triển khai Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới (Chi tiết có Phụ biểu 9)**

#### **1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô**

- Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô.

- Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi một phần diện đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô tự nguyện trả lại đất, giao cho UBND các xã: Ba Tô, Ba Nam, Ba Lễ, Ba Dinh, huyện Ba Tư để quản lý và lập phương án đưa vào sử dụng.

- Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 của UBND tỉnh về việc giao đất và cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô tại huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết lao động dôi dư của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ba Tô.

- Hiện nay, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô đang hoàn chỉnh Phương án xử lý tài chính để trình phê duyệt theo quy định.

## **2. Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi**

- Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi.

- Quyết định số 1005/QĐ-UBND Ngày 09/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi.

- Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi;

- Quyết định số 2719/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

- Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án cổ phần và chuyển Công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thành công ty cổ phần.

## **III. Kết quả rà soát đo đạc, cắm mốc ranh giới và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Chi tiết có Phụ biểu số 10)**

### **1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô**

a) Diện tích đã được đo đạc, cắm mốc ranh giới

- Đã được đo đạc, cắm mốc: 4.479,18 ha

+ Đất nông nghiệp: 4.477,80 ha

+ Đất phi nông nghiệp: 1,38 ha

Thực hiện Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt báo cáo kinh tế Kỹ thuật-Dự toán: Cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính, bản đồ

ranh giới sử dụng đất các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, đơn vị thi công: Công ty TNHH Cung ứng Dịch vụ Trắc địa Bình Tiên triển khai thực hiện và hoàn thành công trình và tổ chức bàn giao cho Công ty quản lý sử dụng tại các biên bản bàn giao mốc ranh giới ngoài thực địa từ ngày 06/8/2014 đến ngày 24/12/2014.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 về việc giao đất và cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Công ty đã nhận được 27 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đối với đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp); đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa được nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Diện tích đã bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng (đất nông nghiệp): 1.142,34 ha

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 về việc thu hồi một phần diện đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô tự nguyện trả lại đất, giao cho UBND các xã: Ba Tô, Ba Nam, Ba Lê, Ba Dinh, huyện Ba Tơ để quản lý và lập phương án đưa vào sử dụng. Trên cơ sở đó, Công ty đã tổ chức bàn giao diện đất thu hồi cho UBND các xã quản lý sử dụng.

## **2. Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi**

a) Diện tích đã được đo đạc, cắm mốc theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP:

- Đất nông nghiệp: 704,5 ha.

- Đất phi nông nghiệp: 4,94 ha

b) Diện tích đã thực hiện bàn giao về địa phương quản lý sử dụng: 97,0582 ha.

## **IV. Kết quả giải quyết lao động dôi dư (Chi tiết có Phụ biểu 11)**

### **1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô**

- Lao động tiếp tục sử dụng: 10 người

- Lao động nghỉ dôi dư: 02 người

- Thanh lý hợp đồng khoán: 02 người

- Tuyển dụng mới: 10 người

- Ký mới hợp đồng nhận khoán: 02 người

- Tổng kinh phí đã thực hiện chi trả lao động dôi dư: 140.334.000 đồng, hiện nay chưa có kinh phí để chi trả.

**2. Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi:** Chưa phê duyệt.

## **V. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện**

### **1. Khó khăn vướng mắc**

- Đối với phương án xử lý tài chính: Việc kiểm kê tài sản, phân loại



công nợ, xử lý các tồn tại về tài chính trước đây nay công ty phải thừa kế trách nhiệm còn gặp nhiều khó khăn do các khoản nợ phát sinh từ lâu, hồ sơ công nợ chưa đầy đủ, đối tượng nợ không còn cư trú tại địa phương và người đồng bào dân tộc thiểu số nợ không có khả năng thanh toán... Do đó ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện theo Phương án, đề án tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tình trạng người dân địa phương chiếm đất (*đòi lại đất ông, đất bà*) với các công ty diễn ra khá phức tạp, có tổ chức, đông người, nhưng chính quyền địa phương cấp xã chưa có biện pháp giải quyết làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh (trồng rừng) trong thời gian dài, chậm thu hồi vốn. Mặt khác, nguồn vốn của doanh nghiệp còn hạn hẹp, không được tín chấp bằng dự án trồng rừng để vay vốn, việc tiếp cận vay vốn từ ngân hàng không thực hiện được.

- Kinh phí bảo vệ rừng (rừng sản xuất là rừng tự nhiên) được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hàng năm thường cấp chậm; mức hỗ trợ thấp so với mức hỗ trợ của các Ban quản lý rừng trên cùng một địa bàn.

## **2. Nguyên nhân**

- Văn bản chỉ đạo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương còn chậm, chưa đồng bộ, thống nhất chung nên khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện phương án, đề án.

- Việc phải xử lý các khoản các tồn tại về tài chính trước đây nên làm chậm trễ việc thực hiện các Đề án sắp xếp đã được phê duyệt.

## **VI. Đề xuất, kiến nghị**

### **1. Bộ Tài chính**

- Bổ sung cơ chế tài chính đặc thù sau khi sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp.

- Ban hành văn bản về chính sách tín dụng đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty tiếp cận nguồn vốn tín dụng đầu tư trồng rừng sản xuất bằng nguồn vốn ODA từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Trong đó, có chính sách đặc thù về hạn mức vay, tài sản thế chấp, thời gian trả gốc và lãi vay, nguồn vốn đối ứng.

- Để có kinh phí hoạt động trong công tác quản lý bảo vệ, đề nghị Bộ Tài chính sớm cấp phát kinh phí trong năm theo điểm b, Điều 5, Thông tư số 330/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Mức hỗ trợ theo Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ chỉ có 200.000 đồng/ha/năm là quá thấp so Nghị định số 75/2015-NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về hỗ trợ khoán bảo vệ rừng (*tại điểm b, phần 1, Điều 3 của Nghị định số 75/2015-NĐ-CP mức hỗ trợ là 400.000 đồng/ha/năm*), đề nghị Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

- Xem xét cấp phát kinh phí để chi trả chế độ lao động dôi dư cho người lao động là: 140.334.500 đồng theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Tờ trình số 94/TTr-CT ngày 06/6/2017 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô đề nghị thẩm định hồ sơ và nguồn kinh phí tại doanh nghiệp để giải quyết lao động dôi dư.

## **2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Xem xét thẩm định lại Phương án sắp xếp Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh nội dung điểm 3, Công văn số 1790/TTg-ĐNMN ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ từ hình thức giải thể Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân sang hình thức thực hiện thủ tục phá sản Công ty TNHH MTV Lâm Trà Tân theo quy định (*UBND tỉnh đã có Công văn số 3661/UBND-NNTN ngày 20/6/2017*).

Trên đây là tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT,  
Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,  
Tài nguyên và Môi trường;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak593.



**Trần Ngọc Căng**

**MÔ HÌNH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP**  
(Kèm theo Báo cáo của UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên công ty(1)	Địa bàn phân bố đất sản xuất(2) Xã	Huyện	Tỉnh	Mô hình sắp xếp, đổi mới Thủ tướng chính phủ phê duyệt(3)	Mô hình sắp xếp khác (4)	Dự kiến thời điểm hoàn thành(5)	Đề xuất thay đổi mô hình sắp xếp (6).
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô (Hoạch toán độc lập, có con dấu riêng)	- Xã Ba Tô - Xã Ba Nam	Ba Tơ Ba Tơ	Quảng Ngãi Quảng Ngãi	Duy trì củng cố, phát triển và tái cơ cấu Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích		Tháng 9/2017	
2	Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi	Phò Nhon, P.Phong P.Thuận, P.cường P.Hòa, P. Thạnh P.Khánh, P.Vinh	ĐứcPhò	Quảng Ngãi	Cổ phần hóa nhà nước không nắm cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần		30/12/2017	

**Ghi chú:**

- (1) Ghi cụ thể cả các đơn vị là hạch toán phụ thuộc (đơn vị sản xuất nông, lâm, nuôi trồng thủy sản).
- (2) Đất sản xuất nằm ở nhiều xã, huyện, tỉnh thì ghi đầy đủ tất cả các xã, huyện, tỉnh.
- (3) Đối với các công ty thực hiện cổ phần hoá hoặc 2 thành viên ghi rõ tỷ lệ vốn nhà nước và tên đối tác góp vốn.
- (4) Ghi rõ loại hình thực hiện sắp xếp không theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.
- (5) Ghi rõ thời điểm dự kiến hoàn thành.
- (6) Ghi rõ loại hình dự kiến đề xuất thay đổi.

## HIỆN TRẠNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo của UBND ngày 26/16/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích tự nhiên	T/điện tích đất nông nghiệp	Trong đó													Đất nông nghiệp khác(1)
				Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Rừng sản xuất			Rừng phòng hộ			Rừng đặc dụng				
							Rừng sản xuất là rừng trồng	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng	Rừng PH là rừng trồng	Rừng PH là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng	Rừng ĐĐ là rừng trồng	Rừng ĐĐ là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Công ty TNHH một																
1	Thành viên Lâm nghiệp Ba Tô	5.621,52	5.620,14				4.009,37	223,64	1.384,27								2,86
2	Công ty TNHH MTV NLN 24/3 Đ.phố	770,18	738,93	339,42	39,39	0,18	359,76										0,18

**Ghi chú:**

- (1) Bao gồm các loại đất chuồng trại chăn nuôi, đất phục vụ nghiên cứu nông, lâm, thủy sản, vườn ươm .....
- (2) Các Tổng công ty có Công ty, nông, lâm trường hạch toán phụ thuộc.

**HIỆN TRẠNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP**  
(Kèm theo Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Đất phi nông nghiệp										
		Tổng diện tích	Đất ở (1).	Trại ở (2).	Đất xây dựng cơ sở công nghiệp (3).	Công trình thủy lợi (4).	Công trình công cộng (5).	Nghĩa trang nghĩa địa (6).	Đường giao thông (7).	Sông, ngòi kênh, rạch (8).	Núi đá (9).	Chưa sử dụng (10).
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Công ty TNHH	1,38		1,38								
1	MTV LN Ba Tô											
2	Công ty TNHH MTV NLN 24/3 Đức Phổ	31,25		3,6		4,75		0,01				22,28

**Ghi chú:**

- (1) Bao gồm cả đất vườn, ao (giao, cho mượn...) hộ gia đình sử dụng.
- (2) Bao gồm cả đất xây dựng nhà kho, sân phơi.....
- (3) Bao gồm đất công trình thủy lợi (cả hồ đập chuyên dùng).
- (4) bao gồm các diện tích đất xây dựng công trình công cộng, năng lượng, chợ, di tích lịch sử văn hoá, bến, cảng.....
- (5) Đường giao thông bao gồm cả đường bộ.....
- (6) Các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng.

## HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Tự tổ chức sản xuất	Cho thuê (1)				Bị lấn chiếm(3)	Tranh chấp(4)	Cấp trung(5)	Liên doanh, liên kết, HTĐT(6)	Khoán				
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp					Khoán 01(7)	Khoán 01(135)(8)	Khoán 135(9)	Khoán hàng năm	Khoán bảo vệ rừng (10)
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô	241,93				1.142,34			138,03			85,61			
2	Công ty TNHH MTV NLN 24/3 Đức Phổ	198,63				125,19				446,36					

### Ghi chú:

- (1) Là đất của đơn vị được giao, được thuê nhưng cho cá nhân, tổ chức thuê lại để sản xuất, kinh doanh, sử dụng.
- (2) Là đất của đơn vị được giao, được thuê nhưng cho cá nhân, tổ chức mượn lại để sản xuất, kinh doanh, sử dụng.
- (3) Đất đơn vị được giao được thuê nhưng tổ chức, cá nhân lấn chiếm để sử dụng.
- (4) Đất đơn vị được giao, được thuê nhưng tổ chức, cá nhân đang sử dụng.
- (5) Đất đơn vị được giao, được thuê nhưng tổ chức, cá nhân khác được cấp giấy CNQSD đất.
- (6) Đất đơn vị được giao, được thuê nhưng LDLK và hợp tác với tổ chức, cá nhân khác tổ chức sản xuất (bao gồm cả đất LDLK hình thành pháp nhân mới).
- (7) Là đất của đơn vị thực hiện khoán theo Nghị định 01/CP nhưng chưa chuyển sang ký theo Nghị định 130.
- (8) Là đất của đơn vị chuyển từ HĐ khoán theo Nghị định 01 sang khoán theo Nghị định 135 nhưng thời hạn vẫn theo hợp đồng của Nghị định 01 đã ký.
- (9) Là diện tích thực hiện khoán mới theo Nghị định 135.
- (10) Là diện tích đất đơn vị được giao "khoán" cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.
- (11) Là diện tích đất đơn vị khoán nhưng không có đầu tư (không đầu tư từ hạ tầng đến chi phí sản xuất kể cả đất đã thu hết khấu hao vườn cây).

## HIỆN TRẠNG GIAO ĐẤT, THUÊ ĐẤT VÀ CẤP GCN QSD ĐẤT TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: *16/2017* ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Đất giao không thu tiền					Đất thuê			Đất được cấp GCN QSD trước 2005			Đất được cấp GCN QSD sau năm 2005		
		Đất sản xuất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất lâm nghiệp			Đất sản xuất nông nghiệp	Đất phi lâm nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất phi nông nghiệp
				Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô			4.009,37			1.610,77		1,38						
2	Công ty TNHH NLN 24/3 Đức phò						367,41	337,09	4,94						

**Ghi chú**

Toàn bộ diện đất trên công ty chỉ có Quyết định thuê đất không được cấp GCNQSD đất

**DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẾP TỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Báo cáo của UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích tự nhiên	Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó													
				Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Rừng sản xuất			Rừng phòng hộ			Rừng đặc dụng			Đất nông nghiệp khác(1)	
							Rừng sản xuất là rừng trồng	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng	Rừng PH là rừng trồng	Rừng PH là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng	Rừng ĐĐ là rừng trồng	Rừng ĐĐ là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Công ty TNHH																
1	một thành viên	4.479,18	4.477,80				115,4	4.009,37	350,17								2,86
	LN Ba Tô																
2	Công ty TNHH	706,22	701,28	324,93	42,3	0,18	333,87										
	24/3 Đức phổ																

**Ghi chú:**

(1) Bao gồm các loại đất chuồng trại chăn nuôi, đất phục vụ nghiên cứu nông, lâm, thủy sản, vườn ươm.

(2) Các Tổng công ty có Công ty, nông, lâm trường hạch toán phụ thuộc.



## DIỆN TÍCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TÍNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Đất phi nông nghiệp										
		Tổng diện tích	Đất ở (1)	Nhà ở nông, ngư nghiệp, cơ sở chế biến (2)	Công trình thủy lợi (3)	Công trình công cộng (4)	Nghĩa trang nghĩa địa	Đường giao thông (5)	Đông, ngòi, kênh, rạch	Núi đá	Chưa sử dụng (6)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô	1,38		1,38								
2	Công ty TNHH MTV 24/3 Đức Phổ	4,94		0,2		4,74						

**Ghi chú:**

- (1) Bao gồm cả đất vườn, ao (giao, cho mượn...) hộ gia đình sử dụng.
- (2) Bao gồm cả đất xây dựng nhà kho, sân phơi....
- (3) Bao gồm đất công trình thủy lợi (cả hồ đập chuyên dùng).
- (4) bao gồm các diện tích đất xây dựng công trình công cộng, năng lượng, chợ, di tích lịch sử văn hoá, bến, cảng.....
- (5) Đường giao thông bao gồm cả đường lô, đường nội bộ....
- (6) Các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng.

**DIỆN TÍCH ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẾ BỐ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CỦA CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Báo cáo số .../UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Tổng diện tích tự nhiên	Tổng diện tích đất nông nghiệp	Trong đó												
				Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi thủy sản	Rừng sản xuất			Rừng phòng hộ			Rừng đặc dụng			Đất nông nghiệp khác(1)
							Rừng sản xuất là rừng trồng	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng	Rừng PH là rừng trồng	Rừng PH là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng	Rừng ĐD là rừng trồng	Rừng ĐD là rừng tự nhiên	Đất trồng rừng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô	4.479,18	4.477,80				115,4	4.009,37	350,17							2,86
2	Công ty TNHH 24/3 Đức phổ	3,21	3,21				3,21									

(1) Bao gồm các loại đất chuồng trại chăn nuôi, đất phục vụ nghiên cứu nông, lâm, thủy sản, vườn ươm....

(2) Các Tổng công ty có Công ty, nông, lâm trường hạch toán phụ thuộc.

Phụ biểu 6B

DIỆN TÍCH ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP DỰ KIẾN CÁN BỘ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số .../UBND ngày 26/16/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha



TT	Tên công ty	Đất phi nông nghiệp										
		Tổng diện tích	Đất ở (1)	Trụ sở, cơ sở (2)	Đất xây dựng, Công trình thủy lợi (3)	Công trình công cộng (4)	Nghĩa trang, nghĩa địa	Đường giao thông (5)	Sông, ngòi, kênh, rạch	Núi đá	Chưa sử dụng (6)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô	0										
2	Công ty TNHH MTV 24/3 Đức Phổ	0										

**Ghi chú:**

- (1) Bao gồm cả đất vườn, ao (giao, cho mượn...) hộ gia đình sử dụng.
- (2) Bao gồm cả đất xây dựng nhà kho, sân phơi.....
- (3) Bao gồm đất công trình thủy lợi (cả hồ đập chuyên dùng).
- (4) Bao gồm các diện tích đất xây dựng công trình công cộng, năng lượng, chợ, di tích lịch sử văn hoá, bến, cảng.....
- (5) Đường giao thông bao gồm cả đường lô, đường nội bộ....
- (6) Các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng.

**DIỆN TÍCH ĐẤT DỰ KIẾN CỦA ĐƠN VỊ VÀ PHƯƠNG THEO HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC SỬ DỤNG**

(Kèm theo Báo cáo số: /Báo cáo UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Tự tổ chức sản xuất	Cho thuê (1)		Cho mượn (2)		Tranh chấp(4)	Cấp trung(5)	Liên doanh, liên kết, HTĐT(6)	Khoán						
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp				Khoán 01(7)	Khoán 01(135(8)	Khoán 135(9)	Khoán hàng năm	Khoán bảo vệ rừng (10)	Khoán trắng(11)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô						1.142,34									
2	Công ty TNHH 24/3 Đức Phổ	3,21														

**Ghi chú:**

- (1) Là đất của đơn vị được giao, được thuê nhưng cho cá nhân, tổ chức thuê lại để sản xuất, kinh doanh, sử dụng.
- (2) Là đất của đơn vị được giao, được thuê nhưng cho cá nhân, tổ chức mượn lại để sản xuất, kinh doanh, sử dụng.
- (3) Đất đơn vị được giao được thuê nhưng tổ chức, cá nhân lấn chiếm để sử dụng.
- (4) Đất đơn vị được giao, được thuê nhưng tổ chức, cá nhân đang sử dụng.
- (5) Đất đơn vị được giao, được thuê nhưng tổ chức, cá nhân khác được cấp giấy CNQSD đất.
- (6) Đất đơn vị được giao, được thuê nhưng LDLK và hợp tác với tổ chức, cá nhân khác tổ chức sản xuất (bao gồm cả đất LDLK hình thành pháp nhân mới).
- (7) Là đất của đơn vị thực hiện khoán theo Nghị định 01/CP nhưng chưa chuyển sang ký theo Nghị định 135.
- (8) Là đất của đơn vị chuyển từ HĐ khoán theo Nghị định 01 sang khoán theo Nghị định 135 nhưng thời hạn vẫn theo hợp đồng của Nghị định 01 đã ký.
- (9) Là diện tích thực hiện khoán mới theo Nghị định 135.
- (10) Là diện tích đất đơn vị được giao "khoán" cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, cộng đồng khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định.
- (11) Là diện tích đất đơn vị khoán nhưng không có đầu tư (không đầu tư từ hạ tầng đến chi phí sản xuất kể cả đất đã thu hết khấu hao vườn cây).


**HIỆN TRẠNG TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Báo cáo sơ bộ về tình hình tài chính của UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn ĐVT: 1000đ

TT	Tên công ty	Trước sắp xếp, đổi mới					Sau sắp xếp, đổi mới(1)					ghi chú
		Tổng tài sản		Nguồn vốn			Tổng tài sản		Nguồn vốn			
		Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay		Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay		
					Dài hạn	Ngắn hạn				Dài hạn	Ngắn hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tô	1.477.342	3.823.538	4.390.494	0	0	1.076.347	3.812.776	4.177.411	0	0	
2	Công ty TNHH MTV 24/3 Đức Phổ	5.949.990	111.477,10	2.842.106		3.212.967,70	8.388.515,30	4.919.225,70	9.997.014,20		3.304.333,70	

**Ghi chú:**

(1) Theo giá trị doanh nghiệp được xác định lại khi thực hiện sắp xếp, đổi mới.



Phụ biểu số 8

**HIỆN TRẠNG VÀ DỰ KIẾN SẮP XẾP LAO ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: người

TT	Tên công ty	Hiện trạng lao động						Dự kiến sắp xếp lao động										
		Tổng số	Lao động trực tiếp			Lao động không báo danh tại chỗ			Tiếp tục sử dụng	Giải quyết nghi đôi đư	Luật lao động	Nghỉ theo chế độ tinh giản biên chế	Nghỉ theo hợp đồng	Thanh lý hợp đồng chuyên nghề	Đào tạo chuyển nghề	Tuyển dụng mới	Ký mới HĐ khoán	Dự kiến kinh phí thực hiện
			Lao động gián tiếp(1)	Có đóng BHXH(3)	Lao động (hộ) nhận khoán(3)	Có đóng BHXH (hộ) nhận khoán	Lao động (hộ) nhận khoán											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô	14	8		3	2	1	10	2			2		10	2	140.334.500 đ		
2	Công ty TNHH 24/3 Đức phổ	23	11	12	130			11	10	2				1		1141888000 đ		

## KẾT QUẢ TRIỂN KHAI PHƯƠNG ÁN CHUYỂN THỂ ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT

(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên công ty	Mô hình sắp xếp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Kết quả thực hiện								
			C. ty nông, lâm nghiệp tại cơ cấu nhà nước năm giữ 100% vốn thực hiện nhiệm vụ công ích hoặc SXKD(1)	C. ty lâm nghiệp chuyên thành BQL rừng phòng hộ(2)	Công ty nông, lâm nghiệp chuyển thành công ty cổ phần, thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên, giải thể						
					Quyết định cổ phần hoá, hai thành viên và giải thể (3)	Hoàn thành xác định giá trị doanh nghiệp	Công bố giá trị doanh nghiệp	Phê duyệt Phương án và bán cổ phần	Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ hoặc bán vốn nhà nước	Phê duyệt phương án giải thể	Hoàn thành phương án
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô	Duy trì củng cố, phát triển và tái cơ cấu, Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích	Quyết định 117/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh QN								
2	Công ty TNHH 24/3 Đức Phổ	Cổ phần hóa nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối hoặc không nắm giữ cổ phần		QĐ 1170/QĐ-UBND ngày 03/6/16							

**Ghi chú:**

- (1) Ghi rõ số Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới;
- (2) Ghi rõ Quyết định chuyển đổi;
- (3) Ghi rõ số Quyết định cổ phần hoá, chuyển thành hai thành viên, giải thể;
- (4) Đối với công ty chuyển thành công ty TNHH hai thành viên trở lên;



**DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THỰC HIỆN ĐO ĐẠC, CẨM MỐC THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP**

(Kèm theo báo cáo của UBND ngày 26/16/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: ha

TT	Tên công ty	Đất sản xuất nông nghiệp								Đất phi nông nghiệp	Kinh phí đo đạc, cắm mốc			Kinh phí đo đạc, cắm mốc đã thực hiện			
		Đất sản xuất nông nghiệp				Đất sản xuất lâm nghiệp					Đất phi nông nghiệp	Tổng số kinh phí thực hiện	Kinh phí trung ương hỗ trợ	Kinh phí địa phương	Kinh phí trung ương hỗ trợ	Kinh phí địa phương	Kinh phí ứng trước của đơn vị
		Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Nuôi trồng thủy sản	Rừng sản xuất là rừng trồng	Rừng sản xuất là rừng tự nhiên	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	Đất nông nghiệp khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô				465,57	4.009,37			2,86	1,38							
2	Công ty TNHH 24/3 Đức Phổ	42,3	324,93	0,18	337,09					4,94							

## KẾT QUẢ SẮP XẾP LAO ĐỘNG TRONG CÁC CÔNG TY NÔNG LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số ... UBND ngày 26 /6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên công ty	Lao động tiếp tục sử dụng					Sắp xếp lao động								
		Tổng số	Lao động có đóng BHXH		Lao động nhận khoán	Lao động đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	Giải quyết đời dư		Nghỉ theo chế độ tinh giản biên chế		Nghỉ theo Luật lao động	Đào tạo, chuyển nghề		Thanh lý hợp đồng khoán	Ký mới hợp đồng khoán
			Lao động gián tiếp	Lao động trực tiếp			Tổng số	Kinh phí thực hiện	Tổng số	Kinh phí thực hiện		Tổng số	Kinh phí thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Công ty TNHH MTV LN Ba Tô	10	9			1	2	140.334.500						2	2
2	Công ty TNHH 24/3 Đức Phổ							1.141.888.000							